



BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.	13 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Alphanam (tên gọi cũ là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2002, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 06 năm 2003 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 07 tháng 03 năm 2006 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 24 tháng 11 năm 2006 về việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 88.000.000.000 VND và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Alphanam.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 03 tháng 01 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ từ 88.000.000.000 VND lên 250.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 29 tháng 03 năm 2007 về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 VND lên 300.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 VND lên 390.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 16 tháng 6 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 390.000.000.000 VND lên 413.400.000.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 16 tháng 03 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ từ 413.400.000.000 VND lên 438.204.000.000 VND

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tám : 438.204.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu công nghiệp Phố Nối A – Trung Trắc – Văn Lâm – Hưng Yên.
 Điện thoại : (0321) 3.980.456
 Fax : (0321) 3.980.385
 Email : info@alphanam.com
 Website : www.alphanam.com.vn
 Mã số thuế : 0900191660

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Alphanam tại Đà Nẵng	Đường số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất thiết bị điện và vật liệu điện;
- Sản xuất tủ, bảng điện;
- Sản xuất thiết bị và máy cơ khí, thủy lực;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên dùng;
- Xây lắp các công trình điện đến 35 KV;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê mặt bằng nhà xưởng;
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa Composite;

- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng;
- Nhận ủy thác đầu tư.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Huy	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Doãn Thị Vân	Trưởng ban	11 tháng 05 năm 2008
Ông Bùi Đình Quý	Thành viên	01 tháng 05 năm 2007
Bà Nguyễn Thu Hương	Thành viên	24 tháng 04 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 04 năm 2004
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 06 năm 2004
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 09 năm 2004
Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2007
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 01 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Ứng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 07 năm 2009
Ông Bùi Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 04 năm 2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tuấn Hải

Ngày 12 tháng 08 năm 2010

10/08/2010
H. VÂN LÂM
T. HÙNG YẾN
31/08/2010



Số: 401/2010/BCTC-KTTV- KT2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Alphanam gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2010, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2010

Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		343.726.953.730	202.250.583.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.979.983.324	20.672.560.300
1. Tiền	111		2.479.983.324	3.972.560.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	16.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		101.617.663.686	16.960.222.686
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	102.657.119.286	17.654.324.286
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.039.455.600)	(694.101.600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.829.025.413	121.845.200.868
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	139.222.612.153	113.455.384.557
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	9.731.591.917	6.918.499.716
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	7.976.947.673	1.573.442.925
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(102.126.330)	(102.126.330)
IV. Hàng tồn kho	140		75.743.592.726	39.221.801.143
1. Hàng tồn kho	141	V.8	75.743.592.726	39.221.801.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.556.688.581	3.550.798.455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.127.263.016	1.158.537.960
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		808.369.364	971.811.612
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	262.818.898
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	621.056.201	1.157.629.985

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		649.654.212.888	605.703.707.980
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.134.511.808	41.256.025.403
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	37.775.438.608	36.848.951.103
<i>Nguyên giá</i>	222		59.999.219.503	55.913.613.062
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.223.780.895)	(19.064.661.959)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	2.092.230.368	-
<i>Nguyên giá</i>	225		2.164.376.238	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(72.145.870)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	4.266.842.832	4.407.074.300
<i>Nguyên giá</i>	228		5.551.102.279	5.551.102.279
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.284.259.447)	(1.144.027.979)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		604.582.960.000	563.753.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	287.262.800.000	562.063.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	317.320.160.000	1.700.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(10.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		936.741.080	694.182.577
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	791.741.080	694.182.577
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	145.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		993.381.166.618	807.954.291.432

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		320.747.327.148	164.598.575.354
I. Nợ ngắn hạn	310		209.259.444.747	156.660.418.948
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	126.962.032.962	87.664.686.636
2. Phải trả người bán	312	V.19	61.376.955.092	31.003.692.776
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	3.665.496.140	4.989.912.823
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	1.895.844.624	1.424.032.654
5. Phải trả người lao động	315		1.135.884.932	1.472.260.340
6. Chi phí phải trả	316		-	348.900.376
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	14.223.230.997	29.756.933.343
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		111.487.882.401	7.938.156.406
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	1.495.462.250	530.557.750
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	109.775.970.564	5.655.157.543
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		95.515.700	95.515.700
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.25	120.933.887	1.656.925.413
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.26	672.633.839.470	643.355.716.078
I. Vốn chủ sở hữu	410		672.633.839.470	643.355.716.078
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		438.203.930.000	438.203.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		181.796.020.000	181.796.020.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	2.783.988.191
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.615.000.000	1.615.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		51.018.889.470	18.956.777.887
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		993.381.166.618	807.954.291.432

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		250,17	331,03
Euro (EUR)		262,40	2,66
6. Mệnh giá cổ phiếu nhận ủy thác		2.674.480.000	5.123.180.000
7. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Phan Anh Thu

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hải

03
T
N
O
N
H
O
A
N
T
Á
Đ

'BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	258.880.540.310	77.983.031.699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	18.075.617.953	8.444.998.341
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		240.804.922.357	69.538.033.358
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	200.364.518.511	56.867.300.373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.440.403.846	12.670.732.985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	61.020.501.822	1.800.801.208
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	50.735.428.128	3.638.627.667
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.606.013.655	2.828.255.430
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	11.795.512.332	2.003.713.974
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	5.034.474.558	4.065.246.693
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.895.490.650	4.763.945.859
11. Thu nhập khác	31	VI.8	227.216.326	1.087.954
12. Chi phí khác	32	VI.9	267.856.457	391.202.621
13. Lợi nhuận khác	40		(40.640.131)	(390.114.667)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.854.850.519	4.373.831.192
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.792.738.936	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.062.111.583	4.373.831.192
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-

Kế toán trưởng



Phan Anh Thu

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2010
Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.854.850.519	4.373.831.192
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.550.597.171	2.576.483.619
- Các khoản dự phòng	03		335.354.000	(1.404.743.686)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.211.481.000)	(1.125.261.856)
- Chi phí lãi vay	06		5.606.013.655	2.828.255.430
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(15.864.665.655)	7.248.564.699
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(168.764.720.227)	(4.729.889.486)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(36.521.791.583)	155.146.884
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		64.243.843.199	(11.747.771.278)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(66.283.559)	(506.738.733)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.781.424.886)	(2.828.255.430)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.516.705.741	4.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.096.026.815)	(24.916.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(160.334.363.785)	(12.429.359.344)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.832.950.605)	(823.093.411)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		224.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(146.275.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		61.972.205.000	3.171.026.791
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(351.658.990.000)	(17.054.998.593)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		386.620.070.000	300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.780.806.445	1.125.256.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.169.313.705)	(13.281.808.372)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phố Mới A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa giữa niên độ (tiếp theo)

CHI TIEU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		231.243.142.090	71.419.179.678
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(83.400.740.779)	(47.846.163.580)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(31.300.797)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		147.811.100.514	23.573.016.098
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.692.576.976)	(2.138.151.618)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.672.560.300	5.605.230.263
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	6.979.983.324	3.467.078.645

Kế toán trưởng



Phan Anh Thu



Nguyễn Tuấn Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : sản xuất, thương mại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Sản xuất thiết bị điện, vật liệu điện;
 - Sản xuất tủ, bảng điện;
 - Sản xuất các sản phẩm nhựa Composite;
 - Sản xuất tủ, bảng điện;
 - Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5
Tài sản cố định khác	5 – 6

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất (35 năm).

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Việc trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn sẽ được xem xét trích lập vào cuối năm tài chính

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí cho việc sửa chữa tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động thương mại và 15% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất. Riêng đối với hoạt động sản xuất sơn và bột bả thuế suất áp dụng là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2006) và 25% trong các năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (từ năm 2003) và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2005). Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 của Bộ Tài chính thì đối với cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2003) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2006).

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 05201000008 do Trưởng ban quản lý các khu công nghiệp Hưng Yên cấp ngày 22/11/2006 thì hoạt động sản xuất sơn và bột bả của Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2009) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán, doanh thu được ghi nhận khi quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua và không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Doanh thu được ghi nhận là khoản chênh lệch giá bán và giá mua.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.014.091.284	320.382.080
Tiền gửi ngân hàng	1.447.095.425	3.652.178.220
Tiền đang chuyển	18.796.615	-
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	16.700.000.000
Cộng	6.979.983.324	20.672.560.300

2. Đầu tư ngắn hạn

	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2.1	2.657.119.286	957.119.286
Đầu tư ngắn hạn khác	2.2	100.000.000.000	16.697.205.000
Cộng		102.657.119.286	17.654.324.286

2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Cổ phiếu	Số lượng (cổ phần)	Giá ghi sổ (VND/cổ phần)	Thành tiền (VND)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	1.000	57.094	57.094.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông (SAM)	7.200	125.004	900.025.286
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	40.000	42.500	1.700.000.000
Cộng			2.657.119.286

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2010 số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông mà Công ty Cổ phần Alphanam nắm giữ là 274.648 cổ phiếu. Trong đó Công ty Cổ phần Alphanam sở hữu là 7.200 cổ phiếu, còn lại 267.448 cổ phiếu là cổ phiếu do Công ty Cổ phần Alphanam nhận mua ủy thác cho các tổ chức, cá nhân.

Cổ phiếu nhận mua ủy thác cho các tổ chức và cá nhân không được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán mà được trình bày trên báo cáo "Các chỉ tiêu ngoại bảng Cân đối kế toán".

2.2 Đầu tư ngắn hạn khác

Là các khoản cho vay có thời hạn 12 tháng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	-	16.697.205.000
Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư	100.000.000.000	-
Cộng	100.000.000.000	16.697.205.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.039.455.600	694.101.600
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	15.594.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông (SAM)	699.861.600	694.101.600
Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	324.000.000	-
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	1.039.455.600	694.101.600

Chi tiết số trích lập dự phòng tại thời điểm 30/06/2010 như sau:

Cổ phiếu	Số lượng	Giá ghi sổ tại thời điểm 30/06/2010 (VND/cổ phiếu)	Giá thị trường tại thời điểm 30/06/2010 (VND/cổ phiếu)	Số trích lập dự phòng (VND)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	1.000	57.094	41.500	15.594.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông (SAM)	7.200	125.004	27.800	699.868.800
Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	40.000	42.500	34.400	324.000.000
Cộng				1.039.462.800

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty xuất nhập khẩu Bộ Công nghiệp Nhẹ (XK CuBa)	44.180.967.226	45.601.792.589
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	26.423.232.538	9.059.160.408
Công ty cổ phần Delta Việt Nam	18.433.380.496	366.803.353
Công ty Nhập khẩu của Bộ Nội thương Comimport (CuBa)	16.307.132.571	19.201.051.239
Công ty Cổ phần AlphaNam Miền Trung	4.941.204.155	3.100.383.102
Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại Coma 25	3.466.278.331	3.466.278.331
BQLDA Phát triển Điện lực-Công ty Điện lực I	2.239.818.055	2.748.268.495
Công ty Cổ phần Alpha nam Sài Gòn	1.868.020.505	8.723.370.082
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tân Quan	1.062.671.268	931.516.699
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Nhật Trang	860.029.599	1.151.883.390
Công ty Cổ phần Quang Minh (Đại lý Sơn)	722.316.389	756.436.934
Công ty TNHH SX và TM Sơn Nhật Anh	558.095.147	556.083.375
Công ty Cổ phần ĐT và PT hạ tầng Vinaconex-Alphanam	524.410.093	488.783.034
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	513.170.805	-
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Tài	478.050.625	469.250.123
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dân dụng Hà Nội	475.800.000	475.800.000
Nguyễn Xuân Giang (Đại lý Trường Giang)	453.809.837	286.269.493
Trần Văn Hùng (Đại lý Hùng Anh)	424.578.784	213.477.208
Trung tâm phân phối Hiền Hoà	395.331.782	484.186.720
Vũ Đăng Dũng (Đại lý Thành Đạt)	380.678.229	280.147.307
Nguyễn Văn Sử (NPP Phần Sử)	373.847.832	294.515.036
Công ty Cổ phần Thái Bình Dương	347.700.508	605.415.291
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hàn Việt Nam	347.250.000	477.250.000
* Khách hàng khác	13.444.837.378	13.717.262.348
Cộng	<u>139.222.612.153</u>	<u>113.455.384.557</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Delta Việt Nam	1.550.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Nhật Trang	3.832.817.081	3.832.817.081
ITALTINTO S.R.L	2.798.657.625	-
Công ty Cổ phần ĐTTM và DV Kỹ Thuật	1.000.000.000	900.000.000
Công ty Phần mềm Effect	235.606.800	235.606.800
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	-	1.511.617.034
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	46.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trang Vàng	-	4.326.300
Công ty TNHH Gredmann Việt Nam	-	36.855.200
Công ty cổ phần Elead	-	5.200.130
Công ty TNHH công nghệ môi trường và trắc địa bản đồ Khôi Nguyên	-	30.000.000
White Cement SCT Co.,LTD(Xi măng trắng Thái Lan)	-	139.257.744
Nhà cung cấp khác	314.510.411	176.319.427
Cộng	<u>9.731.591.917</u>	<u>6.918.499.716</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Động Lực	240.800.000	940.800.000
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	3.177.933.040	342.882.267
Công ty Cổ phần Logitic Tín Thành	-	159.627.700
Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ	44.592.800	44.592.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	4.227.688.900	-
Đối tượng khác	285.932.933	-
Cộng	<u>7.976.947.673</u>	<u>1.573.442.925</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	39.271.513.567	13.988.966.102
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.400.847.602	234.137.302
Thành phẩm	25.337.766.233	22.646.370.639
Hàng hóa	9.696.179.570	2.352.327.100
Hàng gửi đi bán	37.285.754	-
Cộng	<u>75.743.592.726</u>	<u>39.221.801.143</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí quảng cáo	698.606.789	889.570.298	759.150.325	829.026.762
Công cụ dụng cụ	55.982.388	1.513.700	39.351.801	18.144.287
Chi phí sửa chữa	260.019.704	83.899.316	195.971.131	147.947.889
Chi phí bảo hiểm	68.985.041	77.035.421	73.328.804	72.691.658
Chi phí khác	74.944.038	352.681.489	368.173.107	59.452.420
Cộng	1.158.537.960	1.404.700.224	1.435.975.168	1.127.263.016

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	243.285.336	470.275.194
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	377.770.865	687.354.791
Cộng	621.056.201	1.157.629.985

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.572.650.246	24.231.376.370	5.675.663.476	1.066.043.298	1.367.879.672	55.913.613.062
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	4.331.861.278	67.800.000	106.993.345	-	4.506.654.623
Giảm do thanh lý, nhượng bán			(421.048.182)			(421.048.182)
Số cuối kỳ	23.572.650.246	28.563.237.648	5.322.415.294	1.173.036.643	1.367.879.672	59.999.219.503
Trong đó						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	1.911.788.100	831.760.000	745.524.877	-	3.489.072.977
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.830.115.645	6.930.538.466	1.150.108.610	493.760.613	660.138.625	19.064.661.959
Tăng do khấu hao trong kỳ	767.825.080	1.959.057.731	372.453.018	124.096.726	117.483.966	3.340.916.521
Giảm trong kỳ	-	-	(180.449.241)	(1.348.344)	-	(181.797.585)
<i>Giảm do thanh lý tài sản</i>	-	-	(180.449.241)	-	-	(180.449.241)
<i>Giảm do phân loại lại</i>	-	-	-	(1.348.344)	-	(1.348.344)
Số cuối kỳ	10.597.940.725	8.889.596.197	1.342.112.387	616.508.995	777.622.591	22.223.780.895
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.742.534.601	17.300.837.904	4.525.554.866	572.282.685	707.741.047	36.848.951.103
Số cuối kỳ	12.974.709.521	19.673.641.451	3.980.302.907	556.527.648	590.257.081	37.775.438.608

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 10.430.951.283 VND và 3.917.646.251 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là xe ô tô thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong kỳ	2.164.376.238	72.145.870	
Giảm trong kỳ	-	-	
Số cuối kỳ	<u>2.164.376.238</u>	<u>72.145.870</u>	<u>2.092.230.368</u>

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	669.033.079	4.882.069.200	5.551.102.279
Tăng do mua sắm mới	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>669.033.079</u>	<u>4.882.069.200</u>	<u>5.551.102.279</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	167.614.101	976.413.878	1.144.027.979
Tăng trong kỳ	70.487.630	69.743.838	140.231.468
- Khấu hao trong kỳ	69.139.286	69.743.838	138.883.124
- Tăng khác do phân loại lại	1.348.344		1.348.344
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>238.101.731</u>	<u>1.046.157.716</u>	<u>1.284.259.447</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	501.418.978	3.905.655.322	4.407.074.300
Số cuối kỳ	<u>430.931.348</u>	<u>3.835.911.484</u>	<u>4.266.842.832</u>

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	6.120.000	61.200.000.000	9.751.000	97.510.000.000
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	3.899.000	38.990.000.000	3.862.000	38.620.000.000
Công ty liên doanh Fuji-Alpha	4.800.000	48.000.000.000	4.800.000	48.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam	-	-	26.524.307	265.243.070.000
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	3.678.000	48.480.000.000	3.228.000	32.280.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam	9.059.280	90.592.800.000	8.041.043	80.410.430.000
Cộng		<u>287.262.800.000</u>		<u>562.063.500.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**15. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		197.320.160.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần 118	2.300.000	23.000.000.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Phú Thái	3.150.000	136.500.000.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Động Lực	1.881.600	37.820.160.000	-	-
Đầu tư trái phiếu				1.700.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác (Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Đông) (*)		120.000.000.000		
Cộng		317.320.160.000		1.700.000.000

(*) Là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh để xây dựng dự án "Tòa nhà hỗn hợp Trung tâm Thương mại, dịch vụ công cộng, văn phòng cho thuê tại số 108 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội"

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào	Số cuối kỳ
			chi phí SXKD trong kỳ	
Công cụ dụng cụ	663.298.178	285.455.134	241.763.802	706.989.510
Chi phí sửa chữa	30.884.399	75.544.810	21.677.639	84.751.570
Cộng	694.182.577	360.999.944	263.441.441	791.741.080

17. Tài sản dài hạn khác

Là khoản tiền ký cược, ký quỹ tại Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	34.903.252.286	45.835.813.905
Sở Giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.140.344.106	13.637.623.490
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	22.146.778.180	11.566.190.415
Ngân hàng Thương mại cổ phần Nhà Hà Nội	3.100.000.000	15.500.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	5.516.130.000	5.132.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	89.765.770.000	38.800.472.943
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam	8.133.370.000	8.144.072.943
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	12.426.400.000	12.426.400.000
Công ty Liên doanh Fuji Alpha	-	5.940.000.000
Công ty Cổ phần Alphanam - Cienco 4	40.000.000	90.000.000
Bà Đỗ Thị Minh Anh	69.166.000.000	12.200.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.293.010.676	3.028.399.788
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	2.105.205.894	3.028.399.788
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	187.804.782	-
Cộng	126.962.032.962	87.664.686.636

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo Tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển (*)	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	45.835.813.905	34.283.801.526	-	45.216.363.145	34.903.252.286
Sở Giao dịch Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	13.637.623.490	6.620.893.346	-	16.118.172.730	4.140.344.106
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	11.566.190.415	22.146.778.180	-	11.566.190.415	22.146.778.180
Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội	15.500.000.000	-	-	12.400.000.000	3.100.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	5.132.000.000	5.516.130.000	-	5.132.000.000	5.516.130.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	38.800.472.943	87.183.370.000	-	36.218.072.943	89.765.770.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam	8.144.072.943	27.183.370.000	-	27.194.072.943	8.133.370.000
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	12.426.400.000	-	-	-	12.426.400.000
Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	5.940.000.000	-	-	5.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Alphanam - Cienco 4	90.000.000	-	-	50.000.000	40.000.000
Đỗ Thị Minh Anh	12.200.000.000	60.000.000.000	-	3.034.000.000	69.166.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.028.399.788	-	1.011.810.000	1.935.003.894	2.105.205.894
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	219.105.579	31.300.797	187.804.782
Cộng	87.664.686.636	121.467.171.526	1.230.915.579	83.400.740.779	126.962.032.962

(*) Kết chuyển từ vay dài hạn sang vay dài hạn đến hạn trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo Tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Delta Việt Nam	30.736.973.414	493.561.449
Fuji Lift & Escalator MFG. SND. BHD	39.963.000	1.380.380.540
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	14.790.333.107	11.940.332.024
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	3.031.127.417	152.400.000
Chi nhánh Công ty TNHH PNP Chemitech	1.919.038.000	1.165.950.984
Công ty Cổ phần ALphanam Cơ điện	1.639.071.248	6.663.278.169
Beijing Saideli Technology Co., Ltd	1.623.013.311	1.635.860.380
Công ty TNHH Nuplex Resins (Việt Nam)	982.711.400	-
Công ty Cổ phần lắp máy INCO 3	867.092.316	867.092.316
Chi nhánh Công ty TNHH Cứu Bảo Châu tại Hà Nội	833.487.716	1.354.659.800
Công ty TNHH SX-TM và HC Phương Đông	564.575.000	160.446.000
Công ty TNHH Phong Nam	432.521.962	85.567.252
Hợp tác xã vận tải Bắc Nam	385.801.959	92.714.285
Công ty TNHH TM Hoá Chất K và K	334.752.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đồng Á	310.425.839	-
Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến	299.552.000	-
Công ty Bao bì Quang Huy (TNHH)	269.943.342	-
Công ty TNHH TM Hưng Thành	231.770.000	269.284.125
Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu	211.164.000	196.326.200
Nhà cung cấp khác	1.873.638.061	4.545.839.252
Cộng	61.376.955.092	31.003.692.776

20. Người mua trả tiền trước

Là khoản tiền khách hàng trả trước cho các hợp đồng bán sơn và các loại hàng thương mại khác.

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	414.117.017	78.954.941	493.071.958	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	894.174.724	2.223.265.718	2.978.929.459	138.510.983
Thuế xuất, nhập khẩu	80.022.463	885.087.649	899.152.026	65.958.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(262.818.898)	1.792.738.936	-	1.529.920.038
Thuế thu nhập cá nhân	35.718.450	275.659.661	308.168.836	3.209.275
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Tiền thuế đất	-	158.246.242	-	158.246.242
Cộng	1.161.213.756	5.417.953.147	4.683.322.279	1.895.844.624

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là số tạm tính, đơn vị sẽ thực hiện quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp vào thời điểm cuối năm.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng theo đơn giá 6.500 VND/m²/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	143.165.982	85.599.134
Công ty TNHH Hoàng Tử	11.269.770.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Hải tiền vay không tính lãi	-	27.684.753.205
Công ty TNHH Phong Nam	-	441.063.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam (lãi vay)	660.391.508	362.472.473
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung (lãi vay)	354.577.425	209.360.325
Cổ tức của cổ phiếu Sacom ủy thác qua Alphanam phải trả người ủy thác	210.848.192	231.128.000
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	138.000.000	42.000.000
Đối tượng khác	1.446.477.890	700.557.206
Cộng	14.223.230.997	29.756.933.343

23. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ của Cán bộ, công nhân viên.

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	8.155.647.543	5.655.157.543
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội ^(a)	8.155.647.543	5.655.157.543
Nợ dài hạn	1.620.323.021	-
Nợ thuê tài chính xe ô tô Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.620.323.021	-
Trái phiếu	100.000.000.000	-
Trái phiếu chuyển đổi, số lượng 1000.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, thời hạn 3 năm lãi suất 10%/năm	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Foodinco	40.000.000.000	-
Cộng	109.775.970.564	5.655.157.543

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để mua sắm tài sản cố định, đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	10.260.853.437	2.105.205.894	8.155.647.543
Nợ thuê tài chính	1.808.127.803	187.804.782	1.620.323.021
Trái phiếu chuyển đổi	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Cộng	112.068.981.240	2.293.010.676	109.775.970.564

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	5.655.157.543	3.512.300.000	1.011.810.000	8.155.647.543
Nợ thuê tài chính	-	1.839.428.600	219.105.579	1.620.323.021
Trái phiếu chuyển đổi	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Cộng	5.655.157.543	105.351.728.600	1.230.915.579	109.775.970.564

25. Doanh thu chưa thực hiện

Là lãi đối với phần tiền chậm thanh toán của các hợp đồng xuất khẩu sang Cu Ba

Số đầu năm	1.656.925.413
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh trong kỳ	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(1.535.991.526)
Số cuối kỳ	120.933.887

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	438.203.930.000	181.796.020.000	1.615.000.000	2.783.988.191	18.956.777.887	643.355.716.078
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	32.062.111.583	32.062.111.583
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	-	(2.783.988.191)	-	(2.783.988.191)
Số dư cuối kỳ	438.203.930.000	181.796.020.000	1.615.000.000	-	51.018.889.470	672.633.839.470

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	438.203.930.000	438.203.930.000
Thặng dư vốn cổ phần	181.796.020.000	181.796.020.000
Cộng	619.999.950.000	619.999.950.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.820.393	43.820.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.820.393	43.820.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.820.393	43.820.393
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.820.393	43.820.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.820.393	43.820.393
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo Tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu**

Là doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm trong kỳ

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	(14.409.010.953)	(5.183.813.960)
Giảm giá hàng bán	(3.651.239.274)	(2.876.558.881)
Hàng bán bị trả lại	(15.367.726)	(384.625.500)
Cộng	(18.075.617.953)	(8.444.998.341)

3. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm trong kỳ

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	30.489.939	374.209.023
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	68.646.329	-
Lãi tiền cho vay	1.327.593.973	-
Lãi đầu tư trái phiếu	28.005.816	48.052.833
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.399.300.000	703.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123.700.419	1.359.665
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	48.460.000.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	1.567.130.843	667.012.661
Doanh thu ủy thác bán chứng khoán	-	7.167.026
Doanh thu tài chính khác	15.634.503	-
Cộng	61.020.501.822	1.800.801.208

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.606.013.655	2.828.255.430
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	627.024.253	-
Lỗ bán cổ phiếu Picenza	43.750.000.000	522.462.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	417.036.220	1.692.653.423
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	335.354.000	(1.404.743.686)
Cộng	50.735.428.128	3.638.627.667

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.735.656.704	417.782.147
Chi phí vật liệu, bao bì	1.077.718.023	523.991.442
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	53.127.903	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	288.052.640	21.471.129
Chi phí bảo hành	32.493.840	45.090.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.649.784.142	465.657.061
Chi phí bằng tiền khác	1.958.679.080	529.721.337
Cộng	11.795.512.332	2.003.713.974

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.706.685.935	1.969.627.424
Chi phí vật liệu quản lý	11.769.244	4.391.987
Chi phí đồ dùng văn phòng	131.597.297	143.878.642
Chi phí khấu hao TSCĐ	481.594.219	427.029.557
Thuế, phí và lệ phí	288.254.457	491.872.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.091.504.165	921.173.955
Chi phí bằng tiền khác	323.069.241	107.272.438
Cộng	5.034.474.558	4.065.246.693

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	224.545.455	-
Thu nhập khác	2.670.871	1.087.954
Cộng	227.216.326	1.087.954

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	240.598.941	-
Chi phí phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	1.849.410	-
Chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất	-	374.696.121
Chi phí khác	25.408.106	16.506.500
Cộng	267.856.457	391.202.621

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực 30, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Năm nay

Hội đồng quản trị

Vay tiền thành viên HĐQT trong kỳ

38.908.032.000

Trả tiền vay thành viên HĐQT

66.592.785.205

Ban Tổng Giám đốc

Vay tiền thành viên Ban Tổng Giám đốc

60.000.000.000

Trả tiền vay thành viên Ban Tổng Giám đốc

3.034.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	-	27.684.753.205
Ban điều hành	69.166.000.000	12.200.000.000
Cộng nợ phải trả	69.166.000.000	39.884.753.205

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Năm nay

Tiền lương

570.000.000

Thù lao

174.000.000

Cộng**744.000.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Công ty con
Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam	Công ty con
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư	Công ty con đến ngày 10/04/2010
Tổng Công ty Foodinco	Công ty có cùng chủ tịch HĐQT

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

**Lũy kế từ đầu năm
đến cuối kỳ này
Năm nay**

Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện

Chi cho vay tiền	1.275.000.000
Thu hồi tiền cho vay	17.972.205.000
Bán hàng trong kỳ	116.691.807.776
Cung cấp dịch vụ trong kỳ	698.405.357
Thu tiền bán hàng	107.222.981.181
Bù trừ công nợ	4.498.567.036
Phải thu cổ tức năm 2009	5.580.500.000
Lãi cho vay phải thu	358.705.073
Thu tiền cổ tức trong kỳ	3.104.154.300
Trả tiền mua hàng	600.746.807

Công ty Liên doanh Fuji - Alpha

Bán hàng trong kỳ	12.732.819.567
Cung cấp dịch vụ	2.287.880.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.434.000.000
Bù trừ công nợ trong kỳ	332.846.701
Thanh toán tiền vay	5.940.000.000
Mua hàng và sử dụng dịch vụ	6.825.491.956
Thanh toán tiền mua hàng và sử dụng dịch vụ	2.791.450.000

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng
Vinaconex – Alphanam**

Mua hàng trong kỳ	16.098.275.952
Thanh toán tiền trong kỳ	17.708.103.547
Cho vay tiền	3.000.000.000
Thu hồi tiền vay	3.000.000.000
Vay tiền	27.183.370.000
Thanh toán tiền vay	27.194.072.943
Phải trả tiền lãi vay	674.643.669
Thanh toán tiền lãi vay	376.724.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**Lũy kế từ đầu năm
đến cuối kỳ này
Năm nay**

Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung

Bán hàng trong kỳ	6.385.605.191
Thu tiền bán hàng	2.845.445.229
Chiết khấu thương mại	2.025.163.346
Hàng bán trả lại	94.845.116
Mua hàng trong kỳ	29.559.438.977
Thanh toán tiền mua hàng	29.737.786.716
Chi phí sử dụng dịch vụ	144.371.466
Tiền lãi vay phải trả	145.217.100

Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn

Bán hàng trong kỳ	17.311.581.219
Thu tiền trong kỳ	16.298.076.092
Phải thu tiền đặt cọc	70.000.000
Nhận tiền đặt cọc	186.106.407
Bù trừ công nợ	1.308.024.434
Phải trả tiền sử dụng dịch vụ	652.330.642
Thanh toán tiền sử dụng dịch vụ	97.696.404
Phải trả tiền chi hộ	380.184.245
Phải trả tiền mua thiết bị, lương	115.700.000

Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư

Cho vay tiền trong kỳ	100.000.000.000
Tiền cổ tức phải thu	3.238.800.000
Mua cổ phiếu Picensa	56.250.000.000

Tổng Công ty Foodinco

Bán trái phiếu chuyển đổi	40.000.000.000
Thu tiền bán trái phiếu	40.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện		
Phải thu về tiền bán hàng	26.423.232.538	9.059.160.408
Phải thu về lãi cho vay	3.177.933.040	342.882.267
Phải thu về gốc cho vay	-	16.697.205.000
Phải thu về cổ tức	2.476.345.700	-
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha		
Phải thu về tiền bán hàng	513.170.805	-
Trả trước người bán	-	1.511.617.034
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam		
Phải thu về tiền bán hàng	524.410.093	488.783.034

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung		
Phải thu về tiền bán hàng	4.941.204.155	3.100.383.102
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn		
Phải thu về tiền bán hàng	1.868.020.505	8.723.370.082
Phải thu khác	5.000.000	1.106.407
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		3.238.800.000
Phải thu về tiền cổ tức		100.000.000.000
Phải thu về tiền cho vay		
Cộng nợ phải thu	143.168.116.836	39.924.507.334
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện		
Phải trả về mua hàng hóa	1.639.071.248	6.663.278.169
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha		
Phải trả về mua hàng hóa	3.031.127.417	152.400.000
Phải trả về nhận trước tiền hàng	-	242.752.017
Vay ngắn hạn phải trả	-	5.940.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam		
Tiền vay ngắn hạn phải trả	8.133.370.000	8.144.072.943
Lãi vay phải trả	660.391.508	362.472.473
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung		
Phải trả về mua hàng hóa	14.790.333.107	11.940.332.024
Tiền vay ngắn hạn phải trả	12.426.400.000	12.426.400.000
Lãi vay phải trả	354.577.425	209.360.325
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn		
Phải trả về mua hàng hóa	6.522.155	695.987.288
Phải trả khác	126.857.113	197.290.956
Cộng nợ phải trả	42.680.864.108	53.637.624.364

2. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót**Thay đổi chính sách kế toán**

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ				
Người mua trả tiền trước	313	6.646.838.236	4.989.912.823,00	(1.656.925.413)
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	1.656.925.413	1.656.925.413

3. Thuê hoạt động

Thuê trụ sở của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đồng Á làm việc dưới hình thức thuê hoạt động, hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ ngày 01 tháng 10 năm 2007 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2010 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê 01 năm là 40.031.800 VND (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng)

Công ty thuê đất tại Khu Công nghiệp Phố Nối A của UBND tỉnh Hưng Yên đến hết ngày 09/04/2037, đơn giá thuê một năm là 6.500 VND/m².

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng



Phan Anh Thu



Nguyễn Tuấn Hải